

Số: 228/QĐ-CĐCNTMDL

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc mức thu học phí học kỳ II năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

Căn cứ Quyết định số 2255/QĐ-BGD&ĐT ngày 07 tháng 08 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sáp nhập Trường cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên vào Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch và đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp, Thương mại và Du lịch trực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định 3716/QĐ-BCT ngày 23/12/2025 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp, Thương mại và Du lịch;

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu học phí học nghề học kỳ II năm học 2025 -2026 như sau:

a. Đối với Khoá 60

STT	Hệ đào tạo	Số tín chỉ	Mức thu học phí (đồng/tháng)	Mức thu tín chỉ (đồng/tín chỉ)
I.	Hệ cao đẳng			
1.	Hướng dẫn du lịch	107	1.700.000	397.196
2.	Kế toán doanh nghiệp	105	1.360.000	323.810
3.	Kỹ thuật chế biến món ăn	102	1.700.000	416.667
4.	Kinh doanh thương mại	104	1.360.000	326.923
5.	Quản trị nhà hàng	101	1.360.000	336.634
II.	Hệ trung cấp			
1.	Kỹ thuật chế biến món ăn	73	1.700.000	465.753

2.	Nghiệp vụ Nhà hàng khách sạn	73	1.700.000	465.753
3.	QLKD nhà hàng và dịch vụ ăn uống	72	1.360.000	377.778
4.	Quản lý và kinh doanh du lịch	73	1.360.000	372.603
5.	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	76	1.360.000	357.895
6.	Kế toán doanh nghiệp	71	1.360.000	383.099
7.	Công nghệ thông tin (UD phần mềm)	76	2.040.000	536.842
8.	Thương mại điện tử	76	1.360.000	357.895
9.	Quản lý và bán hàng siêu thị	77	1.360.000	353.247

b. Đối với Khoá 61,62

STT	Hệ đào tạo	Số tín chỉ	Mức thu học phí (đồng/tháng)	Mức thu tín chỉ (đồng/tín chỉ)
I.	Hệ cao đẳng			
1.	Hướng dẫn du lịch	102	1.700.000	416.667
2.	Kế toán doanh nghiệp	101	1.360.000	336.634
3.	Kỹ thuật chế biến món ăn	102	1.700.000	416.667
4.	Kinh doanh thương mại	101	1.360.000	336.634
5.	Quản trị nhà hàng	100	1.360.000	340.000
II.	Hệ trung cấp			
1.	Kỹ thuật chế biến món ăn	72	1.700.000	472.222
2.	Nghiệp vụ Nhà hàng khách sạn	71	1.700.000	478.873
3.	QLKD nhà hàng và dịch vụ ăn uống	70	1.360.000	388.571
4.	Quản lý và kinh doanh du lịch	71	1.360.000	383.099
5.	Kinh doanh thương mại và dịch vụ	72	1.360.000	377.778
6.	Kế toán doanh nghiệp	71	1.360.000	383.099
7.	Công nghệ thông tin (UD phần mềm)	69	2.040.000	591.304
8.	Thương mại điện tử	73	1.360.000	372.603
9.	Quản lý và bán hàng siêu thị	74	1.360.000	367.568

c. Đối với Khoá 57, 58,59

STT	Hệ đào tạo	Số tín chỉ	Mức thu học phí (đồng/tháng)	Mức thu tín chỉ (đồng/tín chỉ)
I.	Hệ cao đẳng			
1.	Tin học ứng dụng	99	2.040.000	515.152
2.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	111	2.040.000	459.459

3.	Công nghệ ô tô	107	2.040.000	476.636
4.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	115	2.040.000	443.478
5.	Cắt gọt kim loại	105	2.040.000	485.714
6.	Hàn	102	2.040.000	500.000
7.	Điện công nghiệp	113	2.040.000	451.327
8.	Cơ điện tử	112	2.040.000	455.357
9.	Kế toán	113	1.360.000	300.885
10.	Kế toán doanh nghiệp	116	1.360.000	293.103
11.	Quản trị doanh nghiệp	118	1.360.000	288.136
II. Hệ trung cấp				
1.	Tin học ứng dụng	69	2.040.000	591.304
2.	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	81	2.040.000	503.704
3.	Công nghệ ô tô	77	2.040.000	529.870
4.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	78	2.040.000	523.077
5.	Cắt gọt kim loại	65	2.040.000	627.692
6.	Hàn	73	2.040.000	558.904
7.	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí	64	2.040.000	637.500
8.	Điện tử công nghiệp và dân dụng	74	2.040.000	551.351
9.	Điện công nghiệp và dân dụng	79	2.040.000	516.456
10.	Điện công nghiệp	76	2.040.000	536.842
11.	Cơ điện tử	82	2.040.000	497.561
12.	Công nghệ may	72	2.040.000	566.667
13.	May thời trang	72	2.040.000	566.667
14.	Bán hàng siêu thị	69	1.360.000	394.203
15.	Kế toán doanh nghiệp	76	1.360.000	357.895

Điều 2. Các Ông (bà) phụ trách các phòng; học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *thuan*

Nơi nhận:

- BGH(đ/b);
- ĐT-NCKH&HTQT, CTHSSV(t/h);
- Các lớp (t/h);
- Lưu VT, TCKT.



TS. Nguyễn Đức Trung